

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

**CÔNG GIÁO VÀ CÁCH MẠNG (1945 - 1954):
BÀI HỌC LỊCH SỬ VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ**

ĐỖ QUANG HƯNG ^(*)

Nhập đề

Khi bàn về mối quan hệ giữa Công giáo và Cách mạng, Công giáo và Cộng sản hay nói cách khác nữa là mối quan hệ giữa Công giáo với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa dường như đã có một nhận thức rất chung là, đây là một giai đoạn với cộng đồng Công giáo Việt Nam đứng trước những thách thức, những nghịch lý mang nhiều yếu tố bi kịch nhất. Khái quát tình trạng đó, nhiều người trong chúng ta cũng thường chia sẻ với nhận định của Linh mục Trần Tam Tỉnh trong một cuốn sách rất nổi tiếng của ông: “Người Công giáo bị kẹt vào giữa hai cực, tiến thoái lưỡng nan: hoặc hợp tác với Việt Minh cộng sản (thực ra, nói chịu sự lãnh đạo của Cộng sản thì đúng hơn) thì có nguy cơ phản Giáo hội, vào thời Giáo hoàng Piô XII khi mà chủ nghĩa chống cộng được coi như là một tín điều; hoặc là liên hiệp với Pháp, để phản bội tổ quốc lần nữa. Nhiều yếu tố đã xô đẩy họ tới một chọn lựa bi đát, vừa muốn trung thành với Giáo hội vừa muốn trung thành với Tổ quốc Việt Nam”⁽¹⁾.

Tương tự như vậy, nói về tình hình Công giáo Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945, cây bút Phạm Thế Hưng, một người quản lý công tác lâu năm của chính phủ cũng có nhận định rằng, do những điều kiện chủ quan và khách quan rất phức tạp sau khi Chính

phủ Hồ Chí Minh lên cầm quyền kể từ ngày 2-9-1945: “Trong Công giáo Việt Nam xuất hiện hai bộ mặt: yêu nước - chống lại dân tộc. Hai bộ mặt đó xung khắc nhau, càng chuyển hóa trong quá trình kháng chiến gian khổ”⁽²⁾.

Cho đến nay thực ra chúng ta chưa có nhiều dịp để bàn kỹ lưỡng về giai đoạn lịch sử đặc biệt này. Những năm gần đây có một số công trình của các học giả nước ngoài lại thấy xuất hiện những cách đánh giá, sự cắt nghĩa về những sự kiện, “tầm thăm kịch” mà người Công giáo Việt Nam đã trải qua, trong đó có những ý kiến rất đáng để chúng ta suy nghĩ, nhưng cũng không ít những ý kiến khó có thể chấp nhận⁽³⁾.

*. GS.TS., Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Xem: Linh mục Trần Tam Tỉnh. *Thập giá và lưỡi gươm*, Nxb Trẻ, TP HCM, tr. 84-85.

2. Phạm Thế Hưng. *Hiểu biết về Công giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, tr 325.

3. Tiêu biểu nhất có lẽ là công trình Luận án Tiến sĩ của Trần Thị Liên. *Cộng đồng Công giáo Việt Nam trong cuộc chiến giành độc lập - Chính sách tái chiếm thuộc địa của Pháp và cuộc kháng chiến của Việt Minh*, Paris, 1997, 1170 trang, nguyên bản tiếng Pháp. Cũng tác giả này, xem bài: *Những người Công giáo và Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa (1945-1954): Một tiếp cận về tiểu sử*, nguyên văn tiếng Pháp trong cuốn *Sự nảy sinh một Nhà nước - Đảng Việt Nam từ 1945*, C. Goscha và B. Tréglodé (chủ biên), Paris, 2004, tr 253-276. Ngoài ra có thể tham khảo một số công trình của P. Ghedo. *Thiên Chúa giáo và Phật giáo ở Việt Nam*, tiếng Pháp, Paris, 1970; của B. Fall. *Việt Minh 1945-1960*, cũng tiếng Pháp, Paris, 1960; R. Girardet và P. Assouline. *Tự do một cách thái quá* (tiếng Pháp), Paris, 1990.

Bài viết của chúng tôi muốn trở lại vấn đề này trên 2 phương diện:

Thứ nhất, hướng tới một cái nhìn toàn diện hơn về những điều kiện bên trong và bên ngoài của cộng đồng Công giáo Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám, đặc biệt là những khuynh hướng tư tưởng trước hết trong giới chức sắc giáo sĩ và những biến chuyển của các khuynh hướng ấy trong tiến trình của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xoay quanh 2 trục cơ bản là: thái độ của cộng đồng Công giáo Việt Nam trước cuộc kháng chiến của thực dân Pháp và cuộc kháng chiến của dân tộc.

Thứ hai, qua đó có thể rút ra những bài học lịch sử quan trọng có ý nghĩa lâu dài trong việc giải quyết mối quan hệ giữa Công giáo và dân tộc, Công giáo và Cộng sản cũng như mối quan hệ giữa Công giáo và Nhà nước.

Trong dòng chảy lớn của những sự kiện phức tạp như thế hiện tượng Linh mục Phạm Bá Trục mà chúng ta trao đổi ngày hôm nay - thực ra chỉ là một trong những trường hợp tiêu biểu như thế - vẫn luôn có giá trị về tình cảm (thái độ *sống đạo* một cách đúng đắn và dũng cảm của một người Công giáo ở những thời điểm ngặt nghèo); và giá trị về *nhận thức* tôn giáo cũng như xã hội của Giáo hội Công giáo với Nhà nước, một nhận thức mà đến nay vẫn có ý nghĩa thời sự.

Dưới đây chúng tôi xin đi vào các vấn đề cụ thể.

I. GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945: CƠ CẤU LỰC LƯỢNG VÀ NHỮNG KHUYNH HƯỚNG

1. Vào thời điểm năm 1945, Giáo hội Công giáo Việt Nam, mặc dù vẫn chưa được coi là một Giáo hội địa phương thực thụ nhưng yếu tố dân tộc trong Giáo hội đã được tăng lên rõ rệt. Với con số tín đồ khoảng 1,6 triệu, được phân bố trong 15 địa phận, nói đúng hơn là *địa phận giám quản Tông tòa* (Vicariat), dưới sự cai quản của các dòng tu ngoại quốc khác nhau, trong đó có 9 địa phận do các giáo sĩ Thừa sai Pháp điều hành (Hà Nội, Vinh, Hưng Hóa, Huế, Quy Nhơn, Thanh Hóa, Sài Gòn và Kon Tum), một địa phận duy nhất là Lạng Sơn và Cao Bằng thuộc các giáo sĩ dòng Đa Minh chi Lyon (Pháp) điều hành. Ngoài ra, có 3 địa phận vẫn thuộc các giáo sĩ dòng Đa Minh Tây Ban Nha coi sóc là: Hải Phòng, Thái Bình và Bắc Ninh. Đặc biệt đã có 3 địa phận là Bùi Chu, Phát Diệm và Vĩnh Long hoàn toàn do các giáo sĩ Việt Nam cai quản⁽⁴⁾.

Hàng giáo sĩ, mặc dù vẫn có tới 330 linh mục ngoại quốc, nhưng số linh mục Việt Nam cũng đã tới 1.400 người. Tại 3 địa phận do các giám mục Việt Nam cai quản có khoảng 285 linh mục thì đều là người Việt. Hơn thế nữa đội ngũ các *thầy giảng*, tỉ lệ người Việt cũng chiếm đa số. Tỉ lệ các nữ tu cũng đạt khoảng 5.000 người Việt/350 nữ tu ngoại quốc⁽⁵⁾. Vài số liệu trên cho chúng ta thấy khuynh hướng bản địa hóa đã ngày càng lớn mạnh trong Giáo hội Công giáo Việt Nam. Điều dễ hiểu là các địa phận mà chủ chốt là các giám mục người Việt sẽ là

4. Giám mục Nguyễn Bá Tòng (Phát Diệm), Giám mục Hồ Ngọc Cẩn (Bùi Chu); Giám mục Ngô Đình Thục (Vĩnh Long).

5. Tham khảo những số liệu này trong Tạp chí *Những vấn đề truyền giáo Á Châu*, số 39, tháng 9-10/1948, tiếng Pháp.

những địa điểm sôi động nhất sau khi bản Tuyên ngôn độc lập ra đời 2-9-1945, thậm chí bắt đầu sôi động sớm hơn khi diễn ra cuộc đảo chính Nhật - Pháp ngày 9-3-1945.

Điều này có những nguồn gốc sâu xa trong lịch sử hình thành Giáo hội Công giáo Việt Nam. Một mặt, do hạn chế bẩm sinh về thần học, trước Công đồng Vatican II (1962-1965), Giáo hội vẫn duy trì một mô hình nhất thể chế, từ thần học đến đời sống đạo, trong đó Tòa Thánh chưa bao giờ thừa nhận các giá trị, các đặc điểm dân tộc bên cạnh “tính Công giáo” (phổ quát và duy nhất). Hơn thế nữa, ít nhất kể từ khi thiết lập chế độ *đại diện tông tòa* từ nửa sau thế kỉ XVII các Giáo hội bản xứ luôn luôn được chấn sóc bởi các giáo sĩ Pháp và Phương Tây. Khi chủ nghĩa thực dân trực tiếp xâm lược Việt Nam thì dù là một “tình cờ đau đớn”, trong nội bộ Giáo hội lại xuất hiện ngày càng rõ hơn “một thứ chủ nghĩa thực dân trong đạo” (Trần Tam Tỉnh, *Thập giá và lưới gươm*, sdd).

Mặt khác, qua sự phát triển của phong trào dân tộc, cũng như kể từ thế kỉ XX thập kỉ 30 khi xuất hiện những địa phận bản xứ thuộc quyền cai quản của các giáo sĩ người Việt, trong giai đoạn 1946-1954, các giáo phận này đã có thêm 6 địa phận nữa được cai quản bởi các đại diện tông tòa người Việt, trong đó có 2 địa phận quan trọng là Hà Nội và Hải Phòng thì không những tình cảm dân tộc mà một khuynh hướng của chủ nghĩa dân tộc (la dimension nationaliste) cũng thực sự trỗi dậy trong cộng đồng Công giáo Việt Nam.

2. Vì thế Cách mạng tháng Tám quả thực có sức hấp dẫn xao động nhận thức

và tình cảm của người Công giáo. Nhắc lại những ngày Nam Bộ kháng chiến, ngay tại Sài Gòn trước năm 1975, GS. Lý Chánh Trung viết: “Trong tháng tám đó, lịch sử như ngọn triều dâng đưa chúng tôi về với dân tộc. Cả một dân tộc đứng lên và chúng tôi chứng kiến cảnh đó... Giờ đây, dù ở đâu, làm gì, chắc chắn không đứa nào trong chúng tôi (đã học ở Trường thầy Dòng, trường Tây), quên được mùa thu năm ấy”⁽⁶⁾. Cũng cần nói rõ thêm rằng trước năm 1945, người Công giáo Việt Nam không dễ dàng gì thể hiện lòng yêu nước của mình, vì thế sự hấp dẫn của “tháng Tám vàng sao” là một sự kiện “sảng khoái” của chủ nghĩa quốc gia lâu nay vẫn ẩn chứa trong đầu óc và trái tim những người Công giáo chân chính.

Hơn thế nữa phải phân tích thêm rằng số đông người Công giáo trước năm 1945 luôn bị một mặc cảm của sự “bất trung” và “ngờ vực”: cộng đồng Công giáo thiểu số không chỉ đơn thuần bị buộc tội theo chân một tôn giáo ngoại lai Tây Dương, chống lại hệ thống chính trị Nho giáo chính thống mà còn bị coi là một trong những nguyên nhân mất nước⁽⁷⁾.

Vấn đề Công giáo ngay từ đầu Cách mạng tháng Tám còn quan trọng ở chỗ, mặc dù họ là một cộng đồng thiểu số nhưng lại thuộc số lực lượng xã hội, tôn giáo quan trọng trong mối quan hệ với

6. Lý Chánh Trung. *Tìm về dân tộc*, Nxb Trình bày, Sài Gòn, 1957, tr. 43.

7. Trong bài viết mới đây: *Công giáo với vấn đề toàn cầu hóa*, trên Nguyệt san Tôn giáo và Dân tộc, số tháng 10/2009, một lần nữa Linh mục Thiện Cẩm nhắc lại rằng: “không phải Giáo hội chủ trương dùng chiến thuật “lưới gươm và thập giá” mà do một sự ngẫu nhiên không may mắn... Các nhà truyền giáo chân chính thì chỉ có một mục tiêu tôn giáo là mở rộng Nước Chúa, chứ không phải để xây dựng một đế quốc”.

Phương Tây, trước hết với bản thân nước Pháp. Phân tích điều này có ý kiến cho rằng: “Cộng đồng Công giáo thiểu số tuy đứng “bên lề” khi đối diện với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhưng nó lại là một thiểu số được thánh thiêng hóa, trở thành một vật thể chính trị quan trọng”⁽⁸⁾.

Nhiều sự kiện quan trọng đã chứng minh cho điều này. Người Công giáo Việt Nam, lần đầu tiên qua báo chí Công giáo như tờ *Đa Minh* phát hành ngay tại Hà Nội những số tháng 9, tháng 10/1945 đã thể hiện sự hồ hởi của mình với Cách mạng tháng Tám mà những đấng bậc đại diện cho cả Giáo hội ngay ngày 23-9-1945 đã ra lời kêu gọi những người Kitô hữu trên thế giới ủng hộ nền độc lập của Việt Nam, đặc biệt còn gửi thư cho Giáo hoàng Piô XII, bất chấp sự im lặng của Khâm sứ Tòa thánh Drapier, khẩn cầu việc công nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa⁽⁹⁾.

Thời điểm Cách mạng tháng Tám thành công lại cũng là thời điểm đặc biệt của cục diện quốc tế: sau khi chủ nghĩa phát xít sụp đổ, cùng với việc hình thành phe xã hội chủ nghĩa, lập tức xuất hiện sự đối đầu giữa hai hệ thống Tư bản chủ nghĩa và Xã hội chủ nghĩa mà người ta quen gọi là thời kỳ chiến tranh lạnh. Sự đối đầu ngày càng sâu sắc giữa hai hệ thống này lan sang cả lĩnh vực tôn giáo. Từ Piô XI trước chiến tranh Thế giới thứ II đến Piô XII sau đó đã lựa chọn thái độ đối đầu với Chủ nghĩa Cộng sản một cách sâu sắc và toàn diện. Các thế lực đế quốc thực dân đã lợi dụng triệt để thái độ ấy và lôi kéo nó vào những hành động chống Cộng sản trong thực tiễn đến mức nhiều

học giả Công giáo đã có nhận định rằng: “Chủ nghĩa chống cộng ở Việt Nam là sản phẩm óc giáo điều Kitô giáo và của ngành tuyên truyền Pháp”.

Một nghịch lý nữa lại xuất hiện, vì chưa hiểu bản chất của Cách mạng tháng Tám, lại bị đầu độc bởi sự tuyên truyền chính trị nói trên, không ít người Công giáo Việt Nam ngay sau giờ phút hồ hởi hết mình với Cách mạng tháng Tám đã đứng trước băn khoăn rằng nếu Việt Minh là Cộng sản, nếu nền độc lập vừa giành được chỉ là sự mở đầu cho sự thiết lập chủ nghĩa Cộng sản ở Việt Nam thì nó khó có thể được sự chấp nhận của không ít người Công giáo. Nhiều học giả Phương Tây cho đến nay khi phân tích về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ tháng 9-1945, vẫn cho rằng đó là một nhà nước “có tình lập lờ, nhập nhằng” (L’ambiguité) giữa một chiến lược về sự liên hiệp dân tộc và đường hướng “chính thống” của chủ nghĩa cộng sản⁽¹⁰⁾. Một trong những thủ đoạn của thực dân Pháp lúc đó là, chúng cố gắng chứng minh dù Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán cuối tháng 11-1945 thì Mặt trận Việt Minh thực chất cũng là cộng sản vô

8. Xem: Trần Thị Liên. *Những người Công giáo và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945-1954)*, sdd, tr. 273.

9. Lời kêu gọi nói trên của 4 giám mục Nguyễn Bá Tông, Hồ Ngọc Cẩn, Phan Đình Phùng và Ngô Đình Thục. Toàn văn lời kêu gọi ấy được đăng tải trên tờ *Đa Minh*, số 159 (ngày 5-11-1945). Ngoài ra Giám mục Nguyễn Bá Tông còn nhân danh hàng giáo sĩ Việt Nam gửi lá thư nói trên cho Giáo hoàng Piô XII cùng ngày. Lá thư rơi vào sự im lặng của Khâm sứ Tòa Thánh ở Hà Nội tất nhiên cũng như Vatican nhưng đó là một sự kiện rất có ý nghĩa.

10. Xem: C. Goscha. *Về chính sách ngoại giao của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, trong Tạp chí *Tiếp cận Châu Á*, tiếng Pháp, số 18, 2003, tr. 19-53.

thần để lôi kéo số đông người Công giáo đang dao động.

Cho đến khi toàn quốc kháng chiến bùng nổ đại thể người ta thường nhấn mạnh đến hai xu hướng chính trong sự trong sự phân hóa nội bộ giới Công giáo tạo nên “hai bộ mặt” đối lập nhau như chúng ta đã phân tích ở phần trên. Đặc điểm của sự xung đột và chuyển hóa của hai khuynh hướng này trong giới Công giáo là, những người yêu nước, từ giáo dân đến giáo sĩ đều không hề có chủ trương phân liệt, họ vẫn muốn gắn bó với Giáo hội. Sự “phân liệt” nếu có thì chủ yếu là với cách mạng và hành động tái xâm lược của thực dân Pháp.

Thực ra nghiên cứu kỹ các khuynh hướng của người Công giáo trong kháng chiến chống Pháp chúng tôi thấy cũng không đơn giản là chỉ có “hai bộ mặt” như thế trong cộng đồng Công giáo. Về đại thể theo chúng tôi có thể có 3 khuynh hướng khác nhau:

Khuynh hướng thứ nhất, tuy không đông đảo nhưng luôn có ý nghĩa tích cực đặc biệt đối với cục diện của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đó là xu hướng của những giáo sĩ và khá đông các tín đồ yêu nước, gắn bó với Chính phủ trong cuộc kháng chiến bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Thứ hai, khuynh hướng của những chức sắc có vị thế trong Giáo hội, cuốn theo một lực lượng không nhỏ các giáo dân cộng tác, ngả về với thực dân Pháp để “chống cộng và giữ đạo”.

Thứ ba, khuynh hướng tuy không rộng lớn về lực lượng và bề nổi nhưng cũng thu hút được một bộ phận những giáo dân, trí thức và một số chức sắc thuộc nhóm ưu

tú, tạo nên một khuynh hướng “Công giáo tự trị”, có thể hợp tác nhất định với Chính phủ nhưng độc lập không phụ thuộc kể cả đối với thực dân Pháp.

Đối với khuynh hướng thứ nhất và thứ hai đã có rất nhiều công trình trong ngoài nước nói đến. Phần trình bày tiếp theo của chúng tôi dưới đây muốn nói rõ thêm ở khuynh hướng thứ ba mà chính số phận của nó cùng những bài học lịch sử mà nó gợi ra đến nay vẫn có ý nghĩa thời sự.

II. SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA CÁC KHUYNH HƯỚNG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ TRONG CỘNG ĐỒNG NGƯỜI CÔNG GIÁO VIỆT NAM (1946-1954)

1. Trước hết chúng ta, một lần nữa, nhận diện lại và khẳng định những đóng góp to lớn của những người “Công giáo kháng chiến”

Cần nói ngay rằng lực lượng này khá đông đảo, đa dạng về thành phần trong *cộng đồng dân Chúa*. Bộ phận giáo dân lại nổi lên những gương mặt mà thực sự họ đã trở thành những “nhân vật lịch sử” của cuộc kháng chiến, và cũng là những nhân vật, những trí thức Công giáo ưu tú của Giáo hội.

Không thể không nhắc đến các trường hợp Bác sĩ Vũ Đình Tụng, Bộ trưởng Bộ Y tế ngay từ khi có chính quyền nhân dân; Bác sĩ Vũ Đình Thuyết, Thứ trưởng Bộ Y tế, em ruột Vũ Đình Tụng; Giáo sư bác sĩ Nguyễn Tấn Gi Trọng, Giám đốc Nha Thông tin Chính phủ lâm thời, Ủy viên thường vụ Quốc hội; Luật sư Thái Văn Lung ở Sài Gòn; Luật sư Nguyễn Thành Vinh, Giám đốc Sở Tài chính Nam Bộ, Chủ tịch Công giáo Cứu quốc Nam Bộ; Trần Công Chính, Bí thư Công giáo Cứu quốc Trung ương; Nhà Công thương Ngô Tử Hạ, Bộ trưởng Bộ thương binh...

Hình ảnh người giáo dân trong cuộc kháng chiến chống Pháp còn được in dấu rất oanh liệt trong nhiều cơ sở kháng chiến chống Pháp, diệt tề ở chiến trường Bắc Bộ như Đội du kích Xuân Thủy, Hải Hậu, Nam Định trong những năm 1952-1953.

Về những nhân vật Công giáo kháng chiến vốn thuộc hàng giáo sĩ, trước hết phải kể tới nhân vật mà chúng ta trao đổi hôm nay là Linh mục Phạm Bá Trực, tiến sĩ thần học⁽¹¹⁾, Ủy viên Ban thường trực Quốc hội (11-1946), Phó Chủ tịch Ủy ban Liên Việt toàn quốc (1951)⁽¹²⁾.

- Nguyễn Bá Luật cha sở nhà thờ Huyện Sỹ, hi sinh trong kháng chiến chống Pháp.

- Gabriel Thọ cha sở ở Hóc Môn, Sài Gòn cũng hi sinh trong kháng chiến chống Pháp.

- Vũ Xuân Kỳ, Chủ tịch ủy ban liên lạc Công giáo yêu nước Liên khu III, Chủ tịch Ủy ban Liên lạc Toàn quốc những người Công giáo Việt Nam yêu Tổ quốc yêu hòa bình.

- Nguyễn Tất Tiên, Phó Chủ tịch Ủy ban Liên lạc Toàn quốc Những người Công giáo Việt Nam yêu Tổ quốc yêu hòa bình.

- Hoàng Quang Tự, Phó Chủ tịch Ủy ban Liên lạc Công giáo yêu nước Liên khu III.

Và hàng chục linh mục yêu nước khác, số đông đã qua đời.

Trong số những linh mục kiên cường bất khuất này, ta cần ghi nhớ 5 ông, bất chấp sự đe dọa, ngăn cấm của bề trên từ bưng biển kháng chiến đã tập kết ra Bắc.

Rồi một ông trở lại miền Nam cùng đồng bào chống Mỹ. Đó là:

- Trần Quang Nghiêm, Ủy viên Ủy ban Liên lạc Công giáo Toàn quốc (về Nam tham gia chống Mỹ).

- Hồ Thành Biên, Chủ tịch Ủy ban Liên lạc Công giáo Toàn quốc.

- Lương Minh Ký, Ủy viên Ủy ban Liên lạc Công giáo Toàn quốc.

- Võ Thành Trinh, Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết những người Công giáo yêu nước Việt Nam (kế thừa Ủy viên Ủy ban liên lạc Công giáo toàn quốc).

- Nguyễn Hiếu Lễ, Ủy viên Ủy ban Liên lạc Công giáo Toàn quốc⁽¹³⁾.

Có một nhân vật đặc biệt khác mà bạn đọc ít được thấy là trường hợp Phạm Ngọc Thuận người mà sau tháng 9-1945 đã trở thành Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ. Là người Công giáo thuộc gia đình tư sản giàu có ở Nam Kỳ đã nhập quốc tịch Pháp, tham gia phong trào yêu nước từ 1943 trong tổ chức Thanh niên Tiên phong, ông đã dần trở thành một trong những người lãnh

11. Có tài liệu nói rằng: “Sau 9 năm học ở La-mã, đỗ 3 bằng tiến sĩ Triết học, Luật học và Thần học, lúc về nước Cụ được cử đi trông nom nhiều nhà thờ”, xem cuốn: *Linh mục Phạm Bá Trực Kính Chúa yêu nước đoàn kết giáo lương*, Ủy ban Liên Việt toàn quốc xuất bản, 1954, tr. 7.

12. Xem cuốn: *Linh mục Phạm Bá Trực...*, sđd, tr. 9. Có tài liệu khác khẳng định Cụ là Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội khóa I.

13. Xem: Phạm Thế Hưng. *Hiếu biết về Công giáo ở Việt Nam*, sđd, 327-328.

đạo nổi tiếng ở Nam Bộ bên cạnh những Trần Văn Giàu, Phạm Văn Bạch, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Thành Vinh... và đặc biệt người em huyền thoại của ông là Đại tá Phạm Ngọc Thảo góp thêm một hình ảnh độc đáo của người Công giáo Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp

Đóng góp của những người Công giáo theo khuynh hướng này thật lớn lao và có nhiều ý nghĩa. Trong *Lời diếu Cụ Phạm Bá Trực, Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội*, tháng 10-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh có nói: “Từ ngày nhân dân tin cậy cử Cụ là đại biểu Quốc hội, và Quốc hội cử Cụ vào Ban thường trực, Cụ đã đưa hết tinh thần và lực lượng giúp Chính phủ, trong mọi vấn đề quan trọng. Trong mọi việc, cụ đã kết hợp đạo đức bác ái theo lời Chúa dạy, với tinh thần nồng nàn yêu nước của người đại biểu chân chính cho nhân dân Việt Nam”⁽¹⁴⁾.

Như vậy là người Công giáo Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, dù với tư cách một tổ chức như *Công giáo Cứu quốc* ở Bắc và Trung Bộ, *Công giáo kháng chiến Nam Bộ* ở phía Nam; hay với tư cách cá nhân trong các tổ chức kháng chiến khác đã thực sự đóng góp cho công cuộc kháng chiến của dân tộc. Từ góc độ nhà viết sử Công giáo, từ năm 1972, Linh mục Trương Bá Cần từ Paris đã có nhận xét: “Do những sự đưa đẩy của lịch sử, người Công giáo Việt Nam từ trước tới nay bị dồn vào nhiều thế kẹt: kẹt với thực dân Pháp trong thế chống đối với Triều đình nhà Nguyễn, kẹt với đế quốc Hoa Kỳ trong thế chống cộng sản vô thần.

Từ những thế kẹt lịch sử đó, người ta có cảm tưởng rằng người Công giáo Việt Nam không thể hòa mình được với những trào lưu lớn của dân tộc.

Nhưng xét cho cùng, tự bản chất, người Công giáo cũng là những người dân Việt Nam thiết tha yêu nước. Khi được giải tỏa, người Công giáo Việt Nam cũng đã đông đảo đứng lên kháng chiến chống Pháp, người Công giáo cũng sẽ có thể đứng lên chống Mỹ cứu nước”⁽¹⁵⁾.

Khi nói những đóng góp của người Công giáo trong kháng chiến chúng ta không chỉ ghi nhận sự đóng góp nhân tài vật lực thậm chí cả sinh mạng của mình mà còn phải ghi nhận những đóng góp quý báu của họ trong nhận thức tư tưởng. Rất nhiều các tấm gương bất chấp sự đe dọa “phạt vạ tuyệt thông” (đặc biệt sau khi Khâm sứ Tòa thánh đã công bố Thư chung chống cộng nổi tiếng tháng 11-1951). Trường hợp Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình khi đó còn là giáo sư Chủ nhiệm Sài Gòn là một ví dụ. Trong buổi cấm phòng, giám mục Caissaigne đã hỏi thái độ của những người tham dự với các linh mục đi theo kháng chiến, Giám mục Nguyễn Văn Bình đã trả lời: “Họ ra đi là vì lương tâm của họ. Đã là lương tâm thì phải tôn trọng”. Vì thế phải Cụ đã bị tru逐, bị đẩy đi làm cha sở ở các xứ đạo xa Sài Gòn. Nhưng cũng phải nói rằng kỉ luật của Giáo hội đã gây ra những tâm tư, day dứt với nhiều giáo sĩ “vừa muốn tham gia kháng chiến vừa muốn giữ đạo”.

Ở một phương diện khác, đóng góp của Linh mục Phạm Bá Trực về mặt tinh thần, nhận thức trong đạo cũng rất lớn. Trong *Lời kêu gọi nguy binh Công giáo*, ngày 1-6-1951, Cụ viết: “Anh em ra trận

14. Xem cuốn: *Linh mục Phạm Bá Trực*, sdd, tr. 12.

15. Xem: Lê Tiền Giang. *Công giáo kháng chiến Nam Bộ 1945-54*, hồi ký, Công giáo dân tộc Paris, 1972, tr 82.

chỉ làm dịp cho quân thực dân ăn cướp, hại đồng bào nổi da nấu thịt, làm dịp cho toàn dân nguyên rửa vì trước thực dân đã lợi dụng Đạo mà cướp nước ta, nay lại lợi dụng Đạo mà mong cướp lại một lần nữa. Song lần này dù nó lợi dụng Đạo, nhờ Mỹ thế nào cũng thất bại.

Vậy hồi anh em ngụy binh Công giáo, anh em hãy nhớ lời Thánh Paulo bảo ta phải vâng phục chính quyền nước ta là Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh, mau mau đoàn kết trở lại với Tổ quốc để ta sẽ toàn thắng đuổi quân cướp nước đi, làm cho Tổ quốc độc lập thống nhất, sự Đạo sẽ tự do và mở mang, đồng bào ta sẽ rõ lời Chúa bảo “của Xê-da phải trả cho Xê-da!”⁽¹⁶⁾.

2. Về khuynh hướng “chống cộng sản giữ Đạo”

Khuynh hướng này được diễn tả bằng nhiều hình ảnh như “cuộc thánh chiến” hay “thập giá chống sao vàng”. Chúng ta đã nói đến nhận xét chủ nghĩa chống cộng trong những người Công giáo ở Việt Nam lúc đó là chủ nghĩa giáo điều Kitô giáo và tuyên truyền Pháp. Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công trong một bộ phận những người Công giáo đã hình thành một đường lối lý thuyết “vừa chống thực dân vừa chống cộng sản”, mới có thể đảm bảo cho cộng đồng Công giáo thiểu số của mình có vị thế của một “vật thể chính trị”. Thái độ buổi đầu của những nhân vật như Lê Hữu Từ tiêu biểu cho khuynh hướng này, một mặt họ lợi dụng vị thế to lớn của cuộc cách mạng để tăng cường lực lượng “độc lập” của Giáo hội. Từ năm 1947, một mặt Lê Hữu Từ lợi dụng Chính phủ Hồ Chí Minh đã “nuông việc quản lý Thị trấn Phát Diệm”

(một bề 1 km và bề kia 3 km) để biến nó thành “khu an toàn” tạo nên một cứ điểm chống Chính phủ, mặt khác lợi dụng sự ủng hộ của giám mục Chaize địa phận Hà Nội, giám mục Artaraz địa phận Bắc Ninh, Gomes địa phận Hải Phòng... và cả của Khâm mạng Tòa thánh là Giám mục Drapier, Giám mục Lê Hữu Từ đã quyết định vũ trang cho giáo hữu của mình.

Khuynh hướng chống cộng sản càng tăng lên sau khi Cách mạng Trung Quốc thành công năm 1949, chiến thắng Biên giới Thu Đông năm 1950 cũng như việc thực dân Pháp bắt đầu thực hiện “giải pháp Bảo Đại”. Năm 1949, khi quân đội Pháp nhảy dù xuống Phát Diệm là những năm tháng khó khăn và phức tạp nhất của mối quan hệ giữa Cộng sản và Công giáo. Với các thế lực chống cộng trong hàng ngũ Công giáo thì đây lại là cơ hội tốt cho họ. Lợi dụng vị thế của một “vật thể chính trị”, họ càng nỗ lực kéo dài cuộc thử nghiệm tự trị trên mọi phương diện hành chính và quân sự. Thư chung ngày 9-11-1951 nói trên càng thúc đẩy thái độ nguy hiểm này của họ⁽¹⁷⁾.

Từ năm 1950 nhiều làng Công giáo ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ đã được vũ trang bằng súng ống và sự chỉ huy trực tiếp của

16. Xem: *Linh mục Phạm Bá Trục...* sdd, tr 16.

17. *Thư chung của hàng giám mục Đông Dương*, ngày 9-11-1951 được kí bởi 9 giám mục Pháp và Tây Ban Nha, 5 giám mục Việt Nam là Ngô Đình Thục, Phạm Ngọc Chi, Lê Hữu Từ, Hoàng Văn Đoàn và Trịnh Như Khuê. Không phải mọi giám mục Việt Nam đều có thái độ chính trị giống nhau khi kí. Bởi lẽ, sau đó các giám mục như Hoàng Văn Đoàn, Trịnh Như Khuê lại phản đối việc cưỡng ép di cư, ở lại miền Bắc và ủng hộ các tổ chức yêu nước của người Công giáo sau hòa bình lập lại. Nhân vật quan trọng nhất của Thư chung này là Khâm sứ Dooley. Thực ra cho đến nay *Thư Chung* này ít được xuất hiện toàn văn.

các linh mục và sĩ quan Pháp. Đội quân vũ trang của Phát Diệm gồm 10 ngàn người dưới sự chỉ huy của Giám mục Lê Hữu Từ, đội quân Bùi Chu do Giám mục Phạm Ngọc Chi điều khiển, ở Nam Định Linh mục Hoàng Quỳnh cũng nổi lên như một Tổng tư lệnh đội quân Công giáo và họ gây không ít khó khăn cho kháng chiến.

Mặc dù vậy, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp ngày một khẳng định 1952-1953 cùng với cuộc phản công toàn diện trên chiến trường chính, hình ảnh các “giáo xứ - đồn bốt” thuộc các địa phận Phát Diệm, Bùi Chu, Thái Bình và Hải Phòng bị thu hẹp hoặc ngay tại các trung tâm như Bùi Chu, Phát Diệm thì, quân Pháp cũng chỉ kiểm soát ban ngày, còn ban đêm Việt Minh làm chủ. Tất nhiên sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ thì kết cục của khuynh hướng chính trị phản động này đã rõ ràng. Điều đó chắc hẳn không giống như ý kiến của một số người nghiên cứu nước ngoài rằng số phận của Giám mục Lê Hữu Từ là: “cái ngõ cụt của chính sách hợp tác với Việt Minh”⁽¹⁸⁾.

3. Về khuynh hướng thứ ba, khuynh hướng tìm kiếm một mô hình Giáo hội tự trị, có thể chung sống với chế độ cộng sản và nhà nước đồng thời không phụ thuộc vào thực dân và Giáo hội Pháp

Khuynh hướng đặc biệt này, như đã phân tích ở phần trên phản ánh những khao khát về tình cảm dân tộc (Le Sentiment national) của cộng đồng giáo dân cũng như các giáo sĩ Việt Nam từ lâu, thậm chí nó đã tạo nên một thứ “khuynh hướng quốc gia” (la dimension nationaliste) của người Công giáo Việt Nam.

Những nhân vật tiêu biểu cho khuynh hướng này như Phạm Ngọc Thuần, đặc biệt là Nguyễn Mạnh Hà cũng như tổ chức Liên đoàn Công giáo Việt Nam.

Những đóng góp của khuynh hướng này có nhiều nét đặc biệt với kháng chiến và cách mạng. Những người như Phạm Ngọc Thuần và Nguyễn Mạnh Hà thường có vị trí đặc biệt trong quan hệ giữa chính phủ Hồ Chí Minh với chính phủ Pháp và Tòa Thánh. Riêng Nguyễn Mạnh Hà đầu cách mạng ông không chỉ là một Bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời mà còn được Chủ tịch Hồ Chí Minh giao cho những nhiệm vụ đặc biệt như J. Lacouture đã kể lại: “Ông Hồ đã bổ sung chiến lược của mình bằng một cử chỉ với Tòa Thánh Vatican. Đầu tháng 3-1946, ông phái ông Nguyễn Mạnh Hà vào Huế nghiên cứu việc chuyên chở gạo ở miền Nam ra Bắc. Hồi đó, Tòa Thánh có đặt Khâm sứ (Delégation apostolique) ở Huế. Hồ Chí Minh giao cho ông Hà một lá thư để gặp đức cha Drapier và thăm dò ý của vị đại diện của Giáo hoàng trước lời mời Ngài ra thăm Hà Nội của Chính phủ và có thể mời ông ta ra hẳn Bắc Việt để ở”⁽¹⁹⁾.

Những hoạt động của những nhân vật như Nguyễn Mạnh Hà thật đa dạng. Là một trong những thủ lĩnh nổi tiếng của *Phong trào Công giáo tiến hành* (người sáng lập tổ chức *Thanh lao Công*, gọi tắt là JOC), ông cũng là một trong những người sáng lập tổ chức Liên đoàn Công giáo Việt Nam, một tổ chức mà sau này bị những người như Giám mục Lê Hữu Từ

18. Xem cuốn: *Sự nảy sinh một Nhà nước - Đảng Việt Nam từ 1945*, C. Goscha và B. Tréglodé (chủ biên), Paris, 2004, tiếng Pháp, tr 265.

19. Jean Lacouture. *Hồ Chí Minh*, Ed. du Seuil, Paris, 1967, p 108-109, tiếng Pháp.

lôi cuốn vào con đường chống Cộng sản, khác với chủ đích ban đầu của nó. Đây là một sự kiện phức tạp còn phải được nghiên cứu thêm⁽²⁰⁾.

Những ý tưởng có phần hợp lí và đúng đắn của khuynh hướng này về khách quan có nhiều điểm phù hợp với đường lối đại đoàn kết dân tộc và tôn giáo của Chính phủ ta và của chính Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chưa thấy nhiều tài liệu nói lên mối liên hệ của Bác Hồ với những nhân vật chủ chốt của khuynh hướng này, nhưng theo chúng tôi ý tưởng của Bác về một “Giáo hội độc lập và tự trị” chính đáng của Người dù không thực hiện được đầu 1946 cũng ít nhiều liên hệ đến khuynh hướng chính trị - tôn giáo đặc biệt này⁽²¹⁾.

Về lực lượng khuynh hướng thứ ba rất hạn chế và nó cũng chưa có ảnh hưởng sâu rộng trong giáo dân vì thế khó có sức sống lâu bền. Khi cuộc kháng chiến đã ở giai đoạn quyết liệt, Nguyễn Mạnh Hà, người vẫn kiên trì đường lối vận động chính giới Pháp thương thuyết với chính phủ Hồ Chí Minh nhưng đã bị chính tướng De Lattre de Tassigny trục xuất khỏi Việt Nam năm 1951.

Một số nhà nghiên cứu nước ngoài cũng cho rằng những nhân vật Công giáo nổi tiếng khác như Ngô Đình Diệm hoặc Nguyễn Đệ cũng được coi như những nhân vật tiêu biểu cho những chiều kích khác nhau của khuynh hướng này. Nhưng theo chúng tôi chắc chắn cũng khó tìm thấy điểm chung thật sự giữa những nhân vật như Ngô Đình Diệm với Nguyễn Mạnh Hà hoặc Phạm Ngọc Thuần.

III. Ý NGHĨA VÀ BÀI HỌC LỊCH SỬ

1. Vấn đề Công giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp, mặc dù còn nhiều phương diện cần phải tiếp tục nghiên cứu, nhưng theo chúng tôi có thể coi là một trong những giai đoạn tiêu biểu, tập trung những sắc thái, những vấn đề cơ bản nhất của Công giáo Việt Nam thời hiện đại. Các mối quan hệ lớn của Công giáo như Công giáo với Dân tộc, Công giáo với Nhà nước, hoặc Giáo hội Công giáo Việt Nam với Tòa Thánh và những vấn đề nội bộ của mình..., trong không gian rộng lớn của cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc cũng như trong khung cảnh quốc tế phức tạp lúc đó, đã chứa đựng tầng tầng lớp lớp những nhân vật, những sự kiện lịch sử mà người Công giáo cũng như ngoài Công giáo đều có thể chiêm nghiệm và rút ra những kết luận cần thiết cho bản thân mình.

2. Nhân vật trung tâm mà chúng ta trao đổi hôm nay, Linh mục Phạm Bá Trục là một trong những nhân vật tiêu biểu nhất cho khuynh hướng xóa bỏ mọi mặc cảm của quá khứ, kiên quyết đi với cách mạng và kháng chiến, tìm lại vị trí chỗ đứng của tôn giáo mình trong cộng

20. Thái độ của Tòa Thánh và Bộ Truyền giáo với Giáo hội Công giáo Việt Nam sau tháng 9-1945 rất phức tạp. Một mặt, Tòa Thánh phê chuẩn phạm vi tự trị rộng rãi hơn cho Giáo hội, giữ thái độ cân trọng trong quan hệ với Chính phủ Hồ Chí Minh, nhưng lại công nhận “Chính phủ Bảo Đại”. Riêng về vấn đề Liên đoàn Công giáo Việt Nam, trong thư của Bộ Truyền giáo ngày 31-5-1945 tỏ ra vừa ủng hộ vừa đòi hỏi tổ chức này phải dựa vào sự “khôn khéo của hàng giáo phẩm Đông Dương” trong việc hài hòa giữa mục tiêu nghĩa vụ yêu nước và căn tính Kitô giáo.

21. Trên báo *Cứu quốc* cuối 1945 đầu 1946 Bác Hồ có 2 bài viết về vấn đề này. Trong thời gian sang Pháp dự Hội nghị Phôngtenôblô, Hồ Chí Minh có vận động một số nhân vật Công giáo tên tuổi cho việc thực hiện ý tưởng này nhưng tiếc rằng đã không thể thực hiện được (xem hồi ký *Bên Giòong lịch sử* của Linh mục Cao Văn Luận, Sài Gòn, 1967).

đồng dân tộc như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát, đường hướng “Kính Chúa yêu nước”.

Sự lựa chọn dứt khoát và có ý nghĩa “tiên tri” của Linh mục Phạm Bá Trục ở vào thời điểm nhạy cảm và quyết liệt, cộng đồng Công giáo Việt Nam đang đứng giữa hai dòng thác là cuộc kháng chiến của dân tộc và cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp đối với nước ta. Cuộc đời ngắn ngủi đã không cho Linh mục Phạm Bá Trục được chứng kiến và dẫn thân vào những sự lựa chọn gay gắt hơn nữa giữa đạo và đời, giữa đức tin và các lí tưởng xã hội khác, nhưng cuộc đời chính trị xã hội và tôn giáo của Cụ vẫn xứng đáng là một trong những mẫu mực của sự lựa chọn đúng đắn của người Công giáo Việt Nam hôm qua và hôm nay.

3. Không phải mọi người yêu nước lúc đó đều có sự lựa chọn, hành xử việc đời như Phạm Bá Trục. Có những người Công giáo yêu nước ở thời điểm ấy đã có sự lựa chọn có phần khác hơn. Đó là khuynh hướng của những người Công giáo yêu nước nhưng trước hết muốn hướng tới một Giáo hội tự trị, một Giáo

hội vẫn giữ được những căn tính dân tộc, đồng thời có vị thế độc lập tự chủ về chính trị, tôn giáo với nhà nước, với các thế lực thực dân và với cả Giáo hội Pháp.

Mặc dù có những hạt nhân hợp lí trong sự lựa chọn ấy, nhưng rõ ràng khuynh hướng này cũng thiếu đất sống. Cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, khung cảnh phức tạp của thời kỳ chiến tranh lạnh cũng như những phản ứng quyết liệt của chủ nghĩa thực dân đang ở hồi kết đã tạo nên những thách đố mà khuynh hướng trên không thể vượt qua. Tất nhiên, chúng ta không quên tầm thảm kịch mà khuynh hướng “chống Cộng giữ Đạo” đã gây nên trong giai đoạn lịch sử này. Dù sao khuynh hướng này lịch sử đã khép lại.

Nói cách khác, ở nước ta, Giáo hội Công giáo Việt Nam không thể tồn tại và phát triển nếu nó không *thực sự* gắn bó với vận mệnh của dân tộc, với con đường mà Cách mạng tháng Tám đã lựa chọn: Độc lập dân tộc đi liền với chủ nghĩa xã hội. Và đó có lẽ là bài học lịch sử vẫn có ý nghĩa thời sự ngày hôm nay./.